TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2018/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 26 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2012 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Chị A và anh B đã thỏa thuận và phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị A và anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.5 Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A tự nguyện nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009382 ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hương